

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T O
THÀNH PHỐ H N**

Số: 35/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

T O, ngày 05 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh P Đ H, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã B M, huyện T O, Tp. H N.

Bị đơn: Chị N T L, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã B M, huyện T O, Tp. H N.

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **P Đ H** và chị **N T L**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **P Đ H** và chị **N T L** thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Anh **P Đ H** và chị **N T L** về việc chị L nhận chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu **P Đ B**, sinh ngày 07/08/2015 và cháu **P Đ Đ**, sinh ngày 08/02/2017; việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng thống nhất thỏa thuận anh H cấp dưỡng **3.000.000**(*ba triệu*)đồng/tháng để nuôi dưỡng hai con chung là cháu B và cháu Đ, việc cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 03/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có thỏa thuận thay đổi khác.

Anh P Đ H có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

- *Về án phí*: Anh P Đ H tự nguyện nộp toàn bộ: 150.000đồng(*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và: 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ghi nhận việc trợ cấp nuôi con chung. Toàn bộ tiền được đối trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02022 ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T O, thành phố H N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND TP H N ;
- VKSND huyện T O;
- THADS huyện T O;
- UBND xã B M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O
THẨM PHÁN**

NGUYỄN TIẾN HÙNG